PHỤ LỤC 5: THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN PV GAS

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/Kế hoạch năm 2021 (%)	Thực hiện năm 2021/Thực hiện năm 2020 (%)
1	**Công ty CP kinh doanh LPG Việt Nam (PVGAS LPG)**						
-	Sản lượng LPG	1000 Tấn	262,4	266,7	224,7	84%	86%
-	Tổng tài sản	Tỷ Đ	1.550,8	1.500,0	1.840,2	123%	119%
	Tài sản ngắn hạn	Tỷ Đ	936,2	900,0	1.261,1	140%	135%
	Tài sản dài hạn	Tỷ Đ	614,6	600,0	579,1	97%	94%
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	481,3	472,5	496,0	105%	103%
-	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	365,0	365,0	365,0	100%	100%
-	Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	51%	51%	51%		
-	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	3.458,0	3.615,3	4.079,4	113%	118%
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	1,0	22,7	18,6	82%	1790%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	0,5	18,2	14,6	80%	2861%
-	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ Đ	16,9	6,0	6,0	100%	35%
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	0%	6%	5%		
-	Nợ phải trả	Tỷ Đ	1.069,4	1.069,4	1.344,2	126%	126%
	Nợ ngắn hạn	Tỷ Đ	960,6	960,6	1.214,4	126%	126%
	Nợ dài hạn	Tỷ Đ	108,8	108,8	129,8	119%	119%
2	**Công ty CP phân phối khí thấp áp DK Việt Nam (PVGAS D)**						
-	Sản lượng khí	Tr.m3	911,5	1.063,1	1.007,2	95%	110%
	Khí thấp áp	Tr.m3	578,6	680,1	620,5	91%	107%
	Khí cho sản xuất CNG	Tr.m3	332,8	383,0	386,7	101%	116%
-	Tổng tài sản	Tỷ Đ	3.271,3	2.850,0	3.343,1	117%	102%
	Tài sản ngắn hạn	Tỷ Đ	2.662,6	2.400,0	2.893,0	121%	109%
	Tài sản dài hạn	Tỷ Đ	608,8	450,0	450,1	100%	74%
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	1.328,6	1.350,0	1.383,4	102%	104%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/Kế hoạch năm 2021 (%)	Thực hiện năm 2021/Thực hiện năm 2020 (%)
-	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	900,0	900,0	900,0		
-	Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	50,5%	50,5%	50,5%	100%	100%
-	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	7.537,6	8.308,8	9.052,4	109%	120%
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	255,3	255,6	323,2	126%	127%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	202,9	204,5	254,0	124%	125%
-	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ Đ	113,0	89,3	103,1	115%	91%
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	28%	28%	36%		
-	Nợ phải trả	Tỷ Đ	1.942,7	1.500,0	1.959,7	131%	101%
	Nợ ngắn hạn	Tỷ Đ	1.942,6	1.499,9	1.959,6	131%	101%
	Nợ dài hạn	Tỷ Đ	0,1	0,1	0,1	100%	100%
3	**Công ty CP CNG Việt Nam (CNG VN)**						
-	Sản lượng CNG	Tr.m3	227,0	243,0	274,3	113%	121%
-	Tổng tài sản	Tỷ Đ	1.063,7	1.148,5	1.122,6	98%	106%
	Tài sản ngắn hạn	Tỷ Đ	899,3	804,0	829,6	103%	92%
	Tài sản dài hạn	Tỷ Đ	164,4	344,5	293,0	85%	178%
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	509,4	504,3	521,8	103%	102%
-	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	270,0	270,0	270,0	100%	100%
-	Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	56,0%	56,0%	56,0%		
-	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	2.351,1	2.371,3	3.062,1	129%	130%
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	65,4	60,1	107,6	179%	165%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	51,0	48,1	82,3	171%	161%
-	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ Đ	40,4	30,0	47,3	158%	117%
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	24,2%	22,3%	39,9%		
-	Nợ phải trả	Tỷ Đ	554,3	644,1	600,9	93%	108%
	Nợ ngắn hạn	Tỷ Đ	534,6	523,3	578,9	111%	108%
	Nợ dài hạn	Tỷ Đ	19,8	120,8	22,0	18%	111%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/Kế hoạch năm 2021 (%)	Thực hiện năm 2021/Thực hiện năm 2020 (%)
4	**Công ty CP Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PV COATING)**						
-	Sản lượng	Tỷ Đ	695,1	90,0	40,5	45%	6%
-	Tổng tài sản	Tỷ Đ	587,6	477,9	452,4	95%	77%
	Tài sản ngắn hạn	Tỷ Đ	529,5	419,8	406,0	97%	77%
	Tài sản dài hạn	Tỷ Đ	58,1	58,1	46,4	80%	80%
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	411,1	383,9	379,7	99%	92%
-	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	216,0	216,0	216,0	100%	100%
-	Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	52,9%	52,9%	52,9%		
-	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	695,1	90,0	76,9	85%	11%
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	74,2		0,8		
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	60,5		0,6		
-	Nộp ngân sách nhà nước (Số đã nộp)	Tỷ Đ	50,2	3,3	8,4	253%	17%
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	34%				
-	Nợ phải trả	Tỷ Đ	176,5	94,0	72,7	77%	41%
	Nợ ngắn hạn	Tỷ Đ	145,0	63,0	71,7	114%	49%
	Nợ dài hạn	Tỷ Đ	31,5	31,0	1,1	3%	3%
5	**Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí VN (PV PIPE)**						
-	Sản lượng ống thép	Tấn	25.073,0	2.900,0	1.823,9	63%	7%
-	Tổng tài sản	Tỷ Đ	1.677,3	1.510,4	1.514,6	100%	90%
	Tài sản ngắn hạn	Tỷ Đ	173,3	86,5	136,9	158%	79%
	Tài sản dài hạn	Tỷ Đ	1.504,0	1.424,0	1.377,6	97%	92%
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	1.257,0	1.091,0	1.093,8	100%	87%
-	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	1.838,5	1.838,5	1.838,5	100%	100%
-	Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	100,0%	100,0%	100,0%		
-	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	308,3	66,4	34,7	52%	11%
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	50,5		-163,2		
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	50,5		-163,2		

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/Kế hoạch năm 2021 (%)	Thực hiện năm 2021/Thực hiện năm 2020 (%)
-	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ Đ	32,2	0,5	3,0	591%	9%
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	3%				
-	Nợ phải trả	Tỷ Đ	420,3	419,5	420,8	100%	100%
	Nợ ngắn hạn	Tỷ Đ	23,2	22,3	23,4	105%	101%
	Nợ dài hạn	Tỷ Đ	397,1	397,1	397,4	100%	100%
6	**Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông vận tải PVGAZPROM**						
-	Sản lượng	Tr.m3					
-	Tổng tài sản	Tỷ Đ	153,6	140,4	140,7	100%	92%
	Tài sản ngắn hạn	Tỷ Đ	121,4	108,6	109,0	100%	90%
	Tài sản dài hạn	Tỷ Đ	32,2	31,8	31,7	100%	98%
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	152,6	139,1	139,4	100%	91%
-	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	200,0	200,0	200,0	100%	100%
-	Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	29,0%	29,0%	29,0%		
-	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	5,1	3,4	3,4	101%	66%
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	-14,6	-13,5	-13,2	98%	90%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	-14,6	-13,5	-13,2	98%	90%
-	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ Đ	3,5	3,0	3,0	100%	84%
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%					
-	Nợ phải trả	Tỷ Đ	1,0	1,3	1,3	96%	122%
	Nợ ngắn hạn	Tỷ Đ	0,1	0,1	0,1	100%	100%
	Nợ dài hạn	Tỷ Đ	1,0	1,2	1,2	96%	124%
7	**Công ty CP LNG Việt Nam (LNGV)**						
-	PV GAS không giao kế hoạch năm 2021; đang thực hiện thủ tục giải thể						
8	**Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam (GAS SOUTH)**						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/Kế hoạch năm 2021 (%)	Thực hiện năm 2021/Thực hiện năm 2020 (%)
-	PV GAS không giao kế hoạch năm 2021; đang thực hiện thủ tục thoái vốn của PV GAS tại GAS SOUTH						